# TIÊU CHẢY

1. Bé Hoàng, nam 10 tháng tuổi, cân nặng 9kg. Hoàng được chẩn đoán tiêu chảy cấp ngày 2 không mất nước. Song song với uống oresol. Lượng kẽm nguyên tố cần bổ sung cho Hoàng mỗi ngày là bao nhiêu
   1. 10mg **C.** 20mg
   2. 70mg **D.** 140mg
2. Bé Thủy, nữ 10 tháng tuổi, cân nặng 10kg. Thủy được chẩn đoán tiêu chảy cấp ngày 3 có mất nước. Bé Thủy uống được. Lượng Oresol cần cho thủy uóng trong 4h là bao nhiêu?
   1. 100-500ml **C.**  1000 – 1500 ml
   2. 500-1000ml **D.** 1500 – 2000 ml
3. Yếu tố nào là quan trọng nhất khi khám một bệnh nhi tiêu chảy cấp
   1. Sinh hiệu **C.** Dấu mất nước -key bộ môn
   2. Bụng chướng **D.** Tình trạng dinh dưỡng
4. Bé An 7 tháng tuổi. Mẹ khai đi tiêu lỏng 6-8 lần mỗi ngày liên tục trong 20 ngày qua. Phân không thấy máu. Phân loại của bé An là gì?
   1. Tiêu chảy bẩm sinh **C.** Tiêu chảy kéo dài
   2. Tiêu chảy cấp **D.**  Tiêu chảy kháng trị
5. Ba phân loại mất nước trong tiêu chảy cấp ở trẻ em theo IMCI là gì?
   1. Mức độ 1,2,3 **C.** Ko mất nước, mất nước nhẹ, mất nước nặng
   2. Mất nước nhẹ, mất nước vừa, mất nước nặng **D.** Ko mất nước, có mất nước, mất nước nặng
6. Bé Kiệt 12 tháng tuổi được đưa đi khám vì tiêu lỏng 6 -7 lần/ngày trong 2 ngày qua. Khám thấy bé tỉnh táo, nhìn dõi theo các đồ vận xung quanh. Mắt bé không trũng và được mẹ xác nhận. Bé uống nước khát, háo hức và có dấu véo da mất rất chậm. Phân loại mất nước của bé
   1. Không mất nước **C.** Mất nước vừa
   2. Mất nước nhẹ **D.** Mất nước nặng-key bộ môn
7. Biến chứng cấp của tiêu chảy cấp:
   1. Mất nước, thiếu máu do thiếu vi chất
   2. Mất nước, tăng áp lực nội sọ, tăng đường huyết
   3. Toan chuyển hóa, hạ đường huyết, hạ Kali/máu
   4. Suy thận, SDD
   5. Tất cả đều sai
8. Xác định bù dịch cho trẻ TCC cần dựa vào
   1. Phân loại mất nước
   2. Phân loại mất nước, và biến chứng nặng đi kèm
   3. Phân loại mất nước, nguy cơ thất bại đường uống, và biến chứng nặng đi kèm
   4. Phân loại mất nước để chọn phác đồ A,B,C ; và risk đường uống để chọn đường bù dịch
   5. Tất cả đều sai
9. Pha dung dịch đường tại nhà: 1 lít nước chín và
   1. 1 muỗng cafe đường + 6 muỗng cafe muối
   2. 1 muỗng cafe đường + 8 muỗng cafe muối
   3. 6 muỗng cafe đường + 1 muỗng cafe muối
   4. 8 muỗng cafe đường + 1 muỗng cafe muối
   5. Tất cả đều sai
10. Câu nào dùng cho vacxin ngừa tiêu chảy nặng do Rota virus:
    1. Có thể dùng từ sơ sinh để bảo vệ sớm (liều 1: 6tuần, sơ sinh <1tháng)
    2. Dùng đường uống
    3. Các liều các ít nhất 4 tháng
    4. Nếu uống đủ liều và đúng lịch sẽ ngừa được tiêu chảy cấp do Rotavirus gây ra
    5. LÀ 1 vacxin trong chương trình tiêm chủng mở rộng.

# SDD

1. Bé gái 14 tháng tuổi, cân nặng 6,7 kg; chiều cao 72 cm (CN trung bình đối với CC 72 cm là 8,6 kg; CC trung bình cho trẻ 14 tháng là 76,4 cm) Phân loại tình trạng dinh dưỡng theo Waterlow của trẻ này là gì?
   1. SDD cấp nặng **C.** SDD cấp nhẹ
   2. SDD cấp vừa **D.** SDD mạn trung bình
2. Nguyên nhân tiềm ẩn của bệnh SDD là gì?
   1. Bệnh tật **C.** Mẹ học vấn kém
   2. Ăn kém **D.** Chiến tranh
3. Bé gái 18 tháng, nặng 8kg, cao 80cm. Chuẩn hóa đo lương nhân trắc bé có Cân/tuổi (WAZ): -2,2SD; Cao/tuổi (HAZ) – 0,6 SD; Cân/Cao: - 2,7 SD. Đánh giá dinh dưỡng ở bé này
   1. Nhẹ cân, SDD cấp, suy din dưỡng mạn
   2. Nhẹ cân, SDD cấp, không suy din dưỡng mạn
   3. Nhẹ cân, không SDD cấp, không suy din dưỡng mạn
   4. Không nhẹ cân, SDD cấp, suy din dưỡng mạn
4. Trong 2 ngày đầu tiên của SDD cấp nặng, cần ưu tiên điều trị cho bệnh nhân cso triệu chứng nào sau đây?
   1. Sốt cao 40 độ C **C.** Lơ mơ, hôn mê, mạch rõ →hạ đường huyết
   2. Tiêu chảy nặng, mạch nhanh – rõ **D.** Tay chân lạnh, mạch nhanh – rõ
5. SDD protein năng lượng là:
   1. SDD cấp **C.**  SDD mạn
   2. SDD cấp nặng **D.** loạn dinh dưỡng
6. Khi điều trị SDD cho trẻ bị SDD nặng, tử vong có thể xảy ra đột ngột vì:
   1. Nhiễm trung huyết nặng **C.** Sốc giảm thể tích
   2. Hạ thân nhiệt **D.** Hội chứng nuôi ăn lại
7. Bé gâis 8 tháng tuổi có Cân nặng theo tuổi 72 %, chiều cao theo tuổi 87 %, cân nặng theo chiều cao 82 %. Đánh giá dinh dưỡng:
   1. SDD cấp **C.** SDD cấp + mạn
   2. SDD mạn **D.**  Không SDD
8. Nguyên nhân nào KHÔNG thường gây SDD ở trẻ nhũ nhi
   1. Pha sữa sai **C.** Tim bẩm sinh
   2. Trào ngược dạ dày thực quản **D.** Chống đối ăn
9. Một bé trai 18 tháng tuổi có cân nặng theo tuổi WAZ -3,4 SD. Chiều cao theo tuổi HAZ -1,5 SD. Cân nặng theo chiều cao (WHZ) -2,2 SD. Đánh giá dinh dưỡng theo WHO ở trẻ này
   1. SDD cấp nhẹ **C.** SDD mãn nhẹ
   2. SDD cấp nặng **D.**  SDD mãn vừa
10. Trong SDD, biến thiếu vi chất nào thường gặp nhất
    1. Thiếu vitamin A **C.** Thiếu sắt
    2. Thiếu calci **D.** Thiếu folic acid
11. SDD sẽ bị:
    1. Thiếu máu huyết tán cấp.
    2. Thiếu máu do giảm sản xuất hồng cầu.
    3. Thiếu máu do kháng thể tấn công hồng cầu.
    4. Thiếu máu do viêm thành mạch.

**BÉO PHÌ**

1. Yếu tố nào không phải là nguy cơ béo phì trẻ em?
   1. Xem tivi **C.** Ngủ nhiều
   2. Uống sữa tươi **D.** Không tập thể dục
2. Hormone nào sau đây KHÔNG PHẢI là nguy cơ của béo phì trẻ em
   1. Insulin **C.** Leptin
   2. Ghrelin **D.**  CCK
3. Bé gái 4 tuổi có chiều cao 1,3 SD . BMI 2,5 SD. Phân loại dinh dưỡng của bé nên nghĩ đến
   1. Nguy cơ thừa cân do nguyên nhân nguyên phát
   2. Nguy cơ thừa cân do nguyên nhân thứ phát
   3. Thừa cân do nguyên nhân nguyên phát
   4. Thừa cân do nguyên nhân thứ phát
4. Bệnh nhân béo phì có thể có các triệu chứng sau đây, ngoại trừ:
   1. Có kinh trễ hơn **C.**  Ngưng thở khi ngủ
   2. Chân cong **D.** Kinh nguyệt không đều
5. Thực hành nào sau đây KHÔNG phải là hoàn toàn tốt để phòng ngừa thừa cân béo phì
   1. Ăn uống tại nhà **C.** Dùng bữa chung với ba mẹ
   2. Uống ít nước ngọt **D.**  số lượng thức ăn để trẻ quyết định
6. Một bé trai 12 tháng tuổi nghi là bắt đầu thừa cân nếu cân nặng hiện tại
   1. 12kg đến < 13kg **C.** 14kg đến <15 kg
   2. 13kg đến < 14kg **D.** 15kg đến < 16kg

# THIẾU VITAMIN

1. Bệnh nhi nữ 4 tuổi, cân nặng đến khám vì mắt mờ. Tiền căn bé không được nuôi bằng sữa công thức ngay sau sanh, chế độ nuội dưỡng không đầy đủ. Khám mắt phát hiện loét giác mạc/nhuyễn giác mạc < 1/3 diện tích giác mạc. Bệnh nhi cần được điều trị 3 liều vitamin A vào ngày N1, N2 và N14 với tổng liều la bao nhiêu
   1. 300.000 UI **C.** 500.000 UI
   2. 400.000 UI **D.**  600.000 UI
2. Bệnh nhi 9,5 tháng tuổi, đến khám vì hay khóc về đêm, đổ mồ hôi trộm. Khám tháy răng chư mọc, xương ức nhô ra phía trước. X quang đầu xương dài ghi nhật hình đáy chén. Liều vitamin D mỗi ngày để điều trị ở bệnh nhi này là bao nhiểu ?
   1. 3.000 UI **C.** 5.000 UI
   2. 4.000 UI **D.** 6.000UI
3. Bệnh nhi nữ 3 tuổi đên khám vì mắt mờ. Tiền căn bé không được nuôi dưỡng bằng sữa mẹ, chế độ nuôi dưỡng không đầy đủ. Khám mắt phát hiện loét giác mạc/ nhuyễn giác mạc <1/3 diện tích giác mạc. Theo phân độ tổn thương mắt theo Tổ chức Y tế Thế giới bệnh khô mắt của bé ở giai đoạn nào?
   1. X1B **C.** X3A
   2. X2 **D.** X3B
4. Bệnh nhi nam 3 tháng tuổi, đến khám vì hay khóc về đêm, thường hay trớ sữa sau bú. Khám thấy hộp sọ hẹp theo tư thế nằm. bướu tráng 2 bên. Điều trị trên bệnh nhi này là ?
   1. Vitamin D; 1.000–1.500 UI/ngày trong thời gian 3-4 tuần, sau đó 400 UI cho đến biết đi
   2. Vitamin D; 1.500–2.000 UI/ngày trong thời gian 3-4 tuần, sau đó 400 UI cho đến biết đi
   3. Vitamin D; 2.000–2.500 UI/ngày trong thời gian 3-4 tuần, sau đó 400 UI cho đến biết đi
   4. Vitamin D; 2.500–3.000 UI/ngày trong thời gian 3-4 tuần, sau đó 400 UI cho đến biết đi
5. Bé nhi nam 11 tháng đến khám vì hay khóc đêm, đổ mò hôi trôm, răng cửa chưa mọc, lồng ngực bị nhô ra trước, bụng to, rốn lồi. chưa biết ngồi. CLS nào sau đay KHÔNG phù hợp
   1. Calci máu giảm **C.** Phosphatase kiềm tăng
   2. Phospho máu tăng **D.** X quang xương ghi nhận điểm cốt hóa chậm so với tuổi
6. Bé trai 3,5 tuổi bị 4 lần viêm phổi từ sau sinh. Hiện tại bé nặng 8,5 kg. Theo chương trình quốc gia về phòng chống bệnh thiếu vitamin A, liều vitamin A cần dùng cho bé là bao nhiêu?
   1. 300.000 UI chia 3 liều vào N1, N2, N14
   2. 600.000 UI chia 3 liều vào N1, N2, N14
   3. 5.000 UI mỗi ngày
   4. 5.000 UI/kg/ngày trong 5 ngày
7. Trong bệnh thiếu vitamin A, Vitamin A điều trị liều tấn công KHÔNG được dùng trong trường hợp nào ?
   1. Thiếu vitamin A gây khô mắt XN-XF **C.** Nhiễm trùng tái phát ở da
   2. SDD nhẹ **D.** Trẻ đang mắc bệnh ho gà
8. Bệnh nhi nam 18 tháng tuổi được chẩn đoán coi xương do thiếu vitamin D, X quang đầu xương có hình đáy chén. Bệnh nhi này được điều trị như nào
   1. Vitamin D 5.000 UI/ngày, sau 3 tuần kiểm tra X quang lại.
   2. Vitamin D 6.000 UI/ngày, sau 4 tuần kiểm tra X quang lại.
   3. Vitamin D 4.000 UI/ngày, sau 5 tuần kiểm tra X quang lại.
   4. Vitamin D 3.000 UI/ngày, sau 6 tuần kiểm tra X quang lại.
9. Chỉ định dùng vitamin A, liều tấn công. Chọn câu SAI
   1. Biểu hiện mắt ở mức độ nhẹ đến nặng
   2. Nhiễm trùng tái phát ở hệ hô hấp, tiêu hóa, tiết niệu
   3. Nhiễm trung tái phát ở hệ tim mạch
   4. Sau nhiễm trùng làm suy giảm miễn dịch
10. Triệu chứng lâm sàng liên quan đến hạ calci máu ở thể còi xương bào thai. CHỌN CÂU SAI:
    1. Nấc cục **C.** Bỏ bú
    2. ọc sữa **D.** tiêu và tiểu són nhiều lần
11. phòng bệnh thiếu vitamin A, chọn câu không phù hợp
    1. Thực hiện tốt nuôi con bằng sữa mẹ
    2. Tiêm chủng theo đúng lịch
    3. Trẻ dưới 6 tháng không nuôi bằng sữa mẹ : 400.000 UI
    4. Trẻ trên 12 tháng: 200.000 UI mỗi 6 tháng
12. Vai trò của vitamin D . CHỌN CÂU SAI:
    1. Tăng hấp thu phospho tại đường tiêu hóa **D.** Tăng gắn canxi vào xương
    2. Tăng hấp thu canxi tại đường tiêu hóa **E.** Tăng huy động canxi từ xương trong trường
    3. Tăng đào thải canxi tại thận hợp thiếu canxi
13. Triệu chứng lâm sàng của còi xương sớm ở trẻ dưới 6 tháng thường xuất hiện
    1. Tuần đầu sau sanh **D.** Sau 2 tháng
    2. Tuần thứ 2 **E.** Sau 3 tháng
    3. Sau 1 tháng
14. Nhận định nào về vitamin A là đúng
    1. Vitamin A trong thực vật nhiều hơn trong đông vật
    2. Sữa non của mẹ ít vitamin A hơn sữa vĩnh viễn
    3. Chế độ ăn ít chất béo làm tăng háp thu vitamin A
    4. Việc chế biến thức ăn làm tăng lượng vitamin A trong thực phẩm
    5. Vitamin A là loại vitamin tan trong nước
15. Vai trò sinh lí của vitamin A, chọn câu SAI:
    1. Vitamin A rất cần để chuyển hóa Rhodopsin và Iodopsin
    2. Vitamin A có vai trò bảo vệ thượng bì da, niêm mạc và mắt
    3. Vitamin A là hệ thống miễn dịch
    4. Vitamin A là vitamin chuyển hóa

# CHUYỂN VIỆN

1. Phương tiện hồi sức nào được sử dụng nhiều nhất khi chuyển viện ?
   1. Bóng giúp thở
   2. Bình oxy
   3. Đặt nội khí quản
   4. Nẹp cố định gãy xương
2. Loại bệnh nao thường gặp nhất khi nhập viện là gì?
   1. Viêm phổi
   2. Viêm não – màng não
   3. Sốt xuất huyết
   4. Tay chân miệng
3. Bệnh nhân nữ 9 tuổi bị đụng xe gãy xương đùi trái, gãy hở 1/3 dưới, HA 90/60 mmHg mạch 120 lần/p . Nhập BV huyện. chản đoán gãy hở 1/3 dưới xương đùi, người nhà xin chuyển lên BV Nhi đồng. Xử trí phù hợp nhất
   1. Chuyển theo yêu cầu của người nhà. Vì BV không mổ được
   2. Thực hiện nhóm máu, phản ứng chéo
   3. Nẹp bột cho bệnh nhi và chuyển viện
   4. Truyền dịch và chuyển viện ngay
4. Bệnh nhân nam 12 tuổi, uống thuốc rầy tự tử. HA 90/60 mmHg, mạch 120 lần/phút, nhập bệnh viện huyện. Bác sĩ khám chẩn đoán ngộ độc thuốc rầy do tự tử, người nhà xin chuyển lên BV nhi đồng. Từ BV huyện lên BV Nhi đồng cách 30 km. Xử trí nào là phù hợp
   1. Chuyển ngay theo yêu cầu của người nhà
   2. Thực hiện nhóm máu, phản ứng chéo
   3. Rửa dạ dày và chuyển viện
   4. Truyền dịch và chuyển viện ngay
5. Một bn đang thở oxy 4 lít/phút cần chuyển lên tuyến trên với thời gian ước tính cho di chuyển là 3 giờ. Chỉ số PS trên bình oxy loại E trên xe vận chuyển là 2000. Động thái phù hợp nhất
   1. Không cần bổ sung thêm
   2. Bổ sung thêm 1 bình oxy loại E với PSI 1500
   3. Bổ sung thêm 1 bình oxy loại E với PSI 2000
   4. Bổ sung thêm 1 bình oxy loại E với PSI 2500
6. Bệnh nhân nam 12 tuổi bị tai nạn giao thông, . Nhập BV huyện với HA 70/50 mmHg mạch 160 lần/p. chản đoán vỡ gan. Từ BV huyện lên BV nhi đồng khoảng 30km. Xử trí phù hợp nhát
   1. Chuyển theo yêu cầu của người nhà.
   2. Thực hiện các xét nghiệm, đánh gia kết quả, xử trí dựa trên kết quả rồi chuyển viện
   3. Truyền dịch để huyết áp ổn định rồi chuyển viện ngay
   4. Truyền dịch và chuyển viện ngay
7. Bé nữ 10 tuổi, té cầu thang, HA 90/60 mmHg, mạch 120 lần/phút, Glasgow 6 điểm, nhập bệnh viện huyện. Tại đây được chẩn đoán chấn thương đầu, người nhà xin chuyển lên bệnh viện nhi đông 2. Cachs xử trí thích hợp nhất là gì?
   1. Chuyển theo yêu cầu người nhà
   2. Thở oxy cho bệnh nhi và theo dõi
   3. Truyền dịch cho bệnh nhi và theo dõi
   4. Đặt nội khí quản và chuyển viện ngay
8. Nam 12 tuổi, khó thở, HA 90/60 mmHg, mạch 126 lần/phút, nhập bệnh viện huyện, bé được chẩn đoán viêm phổi, cho thở CPAP, người nhà xin chuyển lên BV Nhi Đồng 2. Từ BV huyện đến BV Nhi Đồng 2 khoảng cách 100km. Bé được thở oxy qua cannula khi chuyển viện. Dụng cụ nào cần thiết nhất cho chuyển viện cần cầm mang theo
   1. Dịch truyền **C.** Adrenalin
   2. Kháng sinh **D.** Dụng cụ đặt nội khí quản
9. Lý do chuyển viện thường gặp nhất ở trẻ em là gì?
   1. Quá khả năng điều trị **C.** Không có bác sĩ nhi
   2. Gia đình xin chuyển **D**. Không có bác sĩ trong đêm trựC
10. Nhân viên y tế thường gặp nhất khi chuyển viện là ai?
    1. Nữ hộ sinh **C.** Y si
    2. Điều dưỡng **D.** Bác sĩ
11. Hành động nào sau đây KHÔNG cần thiết ghi chuẩn bị trẻ sơ sinh trước khi chuyển viện?
    1. ủ ám trong lúc chở chuyển viện- trong quá trình chuyển viện
    2. đặt đường truyền tĩnh mạch
    3. Cho con bú trong lúc chuyển viện để tránh hạ đường huyết
    4. Cố định tốt, cần ghi rõ họ tên, ngày giờ thực hiện thủ thuật và đánh dấu trên dụng cụ
12. Bé trai bị chấn thương đầu nặng nhập khoa cấp cứu bệnh viện huyện. sau khi ổn định tình trạng bệnh , bước tiếp theo bác sĩ cần làm là gì?
    1. Đánh giá xem có cần chuyển viện cho trẻ **C.** Thông báo chuyển viện cho người nhà
    2. So sánh lợi ích và nguy cơ của chuyển viện **D.**  Thông báo cho BV chuyển tới

# ĐAU BỤNG

1. Đặc điểm của cảm giác đau tạng là gì:
   1. Đau sâu và rộng **D.** đau giảm nếu thành bụng được giữ yên
   2. Cảm giác rõ ràng **E.** Tất cả đều sai
   3. Đau giới hạn rõ
2. Đặc điểm nào sau đây gơi ý đau bụng do nguyên nhân gan mật
   1. Đau lan lên vai phải **D.**  Đau kèm nôn ra phân
   2. Đau tự giới hạn **E.** Tất cả đều đúng
   3. Đau kèm nôn ra mật